

Số: /QĐ-UBND

Biện Thượng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Quyết toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi Ngân sách địa phương năm 2025, xã Biện Thượng

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BIỆN THƯỢNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 25 tháng 3 năm 2026 về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, xã Biện Thượng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 108/TTr-KT ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc công bố, công khai số liệu quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2025 của xã Biện Thượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai Quyết toán thu Ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi Ngân sách địa phương năm 2025, xã Biện Thượng.

. (có Biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán và các phòng, ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2-QĐ;
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để b/cáo);
- Sở Tài chính Thanh Hóa (để b/cáo);
- Thường trực Đảng ủy (để b/cáo);
- Thường trực HĐND xã (để b/cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Văn phòng Đảng ủy;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Phòng VHXX (đăng Website);
- Các phòng, ban, ngành trực thuộc;
- UBMTTQ và các đoàn thể cấp xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hùng

UBND XÃ BIỆN THƯỢNG**Biểu số 96/CK-NSNN****CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2026 của UBND xã Biện Thượng)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A		1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	258.567,00	364.621,33	141,02
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	43.798,00	52.653,81	120,22
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.233,00	3.194,21	259,06
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	42.565,00	49.459,60	116,20
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	214.769,00	300.153,12	139,76
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	202.235,00	198.923,16	98,36
2	Thu bổ sung có mục tiêu	12.534,00	101.229,95	807,64
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
III	Ngân sách cấp dưới nộp lên			
IV	Thu kết dư		780,20	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		11.034,20	
B	TỔNG CHI NSDP	258.567,00	364.603,66	141,01
I	Tổng chi cân đối NSDP	246.033,00	293.806,93	119,42
1	Chi đầu tư phát triển	39.499,00	99.505,59	251,92
2	Chi thường xuyên	203.341,00	194.301,34	95,55
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
5	Dự phòng ngân sách	3.193,00		0,00
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
II	Chi các chương trình mục tiêu,	12.534,00		0,00
III	Bổ sung ngân sách cấp dưới			
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		178,00	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	70.618,74	
C	KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	0	17,67	

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/20266 của UBND xã Biện Thượng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN	166.465	43.798	189.310	64.468	113,72	147,19
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	166.465	43.798	177.495	52.654	106,63	120,22
I	Thu nội địa	166.465	43.798	177.495	52.654	106,63	120,22
1	Doanh nghiệp Nhà nước						
2	Đầu tư nước ngoài						
3	Công thương nghiệp NQD	9.636	654	9.765	1.492	101,34	228,18
	Thuế giá trị gia tăng			4.048	1.053		
	Thuế thu nhập doanh nghiệp			895	10		
	Thuế tiêu thụ đặc biệt			22	13		
	Thuế tài nguyên			4.800	416		
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.196	557	5.917	2.935	494,74	526,99
5	Thuế sử dụng đất NN						
6	Lệ phí trước bạ	5.200	424	5.697	1.597	109,55	376,67
7	Phí, lệ phí	2.302	654	3.067	1.029	133,25	157,40
8	Thuế sử dụng đất phi NN	273	273	366	301	134,10	110,26
9	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	953	189	2.531	480	265,56	253,93
10	Thu tiền sử dụng đất	141.989	39.499	142.209	42.003	100,16	106,34
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.884	288	5.088	510	176,43	177,25
12	Thu khác NS	1.072	300	1.423	873	132,79	291,09
-	Thu tiền phạt			426	107		
-	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác			5	5		
-	Thu khác còn lại			992	761		
13	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	960	960	654	654	68,11	68,11
14	Thu tiền bán nhà, thuê nhà thuộc sở hữu NN			15	15		
15	Các khoản huy động theo quy định của pháp luật			763	763		
	Trong đó: Các khoản huy động đóng góp xây dựng hạ tầng			763	763		
II	Thu viện trợ						
B	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			780	780		

C	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			11.034	11.034		
---	---	--	--	--------	--------	--	--

UBND XÃ BIỆN THƯỢNG

Biểu số 99/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Biện Thượng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	246.033	293.807	119,42
	<i>Trong đó:</i>			
I	Chi đầu tư phát triển	39.499	99.506	251,92
1	Chi đầu tư cho các dự án		99.506	
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		10.267	
1.2	Chi khoa học và công nghệ		0	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình		1.525	
1.4	Chi văn hóa thông tin		3.688	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		113	
1.6	Chi thể dục thể thao		1.827	
1.7	Chi bảo vệ môi trường		826	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế		78.796	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		2.454	
1.10	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội		8	
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	203.341	194.301	95,55
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi quốc phòng	220	429	194,88
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	2.507	2.761	110,11
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	118.990	89.738	75,42
4	Chi khoa học và công nghệ			
5	Chi y tế, dân số và gia đình	10.168	10.615	104,40
6	Văn hoá thông tin, TDTT, PTTT	1.172	957	81,65
7	Chi bảo vệ môi trường	2.191	2.412	110,10
8	Chi các hoạt động kinh tế	18.446	3.423	18,56

9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	31.367	53.116	169,34
10	Chi đảm bảo xã hội	17.278	30.850	178,55
11	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	1.002		0,00
III	Dự phòng ngân sách	3.193		
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		70.619	
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		178	

UBND XÃ BIỆN THƯỢNG

Biểu số 100/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Biện Thượng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025						Quyết toán 2025						So sánh					
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX				Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX						
A	B	1	2	3	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng cộng	346.051	126.541	213.537	5.973	4.458	1.515	293.807	95.048	192.914	5.845	4.458	1.387	70.619	178	84,90	75,11	90,34	97,86
I	Các cơ quan tổ chức	346.051	126.541	213.537	5.973	4.458	1.515	293.807	95.048	192.914	5.845	4.458	1.387			84,90	75,11	90,34	97,86
1	Xã Biện Thượng	346.051	126.541	213.537	5.973	4.458	1.515	293.807	95.048	192.914	5.845	4.458	1.387			84,90	75,11	90,34	
	Trường Tiểu học Vĩnh Hùng(1061989)	7.339		7.339				7.331		7.331						99,90		99,90	
	Trường Tiểu học Vĩnh Minh(1061991)	6.333		6.333				6.333		6.333						100,00		100,00	
	Trường Tiểu học Vĩnh An(1061992)	4.849		4.849				4.841		4.841						99,85		99,85	
	Trường Tiểu học Vĩnh Thịnh(1061993)	8.430		8.430				8.399		8.399						99,62		99,62	
	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Tân.(1064764)	6.552		6.552				6.545		6.545						99,89		99,89	
	Trường THCS Vĩnh Minh(1064765)	5.996		5.996				5.996		5.996						100,00		100,00	
	Trường THCS Nguyễn Đan Quế xã Vĩnh Hùng huyện Vĩnh Lộc(1064775)	7.363		7.363				7.363		7.363						100,00		100,00	
	Trường THCS Vĩnh An(1079334)	5.256		5.256				5.241		5.241						99,72		99,72	

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025						Quyết toán 2025						So sánh					
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX				Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX						
A	B	1	2	3	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Trường THCS Vĩnh Thịnh(1079335)	8.687		8.687				8.657		8.657						99,66		99,66	
	Trường mầm non xã Vĩnh Hùng Huyện Vĩnh Lộc(1081909)	6.573		6.573				6.571		6.571						99,96		99,96	
	Trường mầm non xã Vĩnh Tân Huyện Vĩnh Lộc(1081910)	3.494		3.494				3.494		3.494						100,00		100,00	
	Trường mầm non xã Vĩnh Minh Huyện Vĩnh Lộc(1081911)	5.740		5.740				5.739		5.739						99,99		99,99	
	Trường mầm non xã Vĩnh An Huyện Vĩnh Lộc(1081912)	4.337		4.337				4.333		4.333						99,91		99,91	
	Trường mầm non xã Vĩnh Thịnh Huyện Vĩnh Lộc(1081913)	8.697		8.697				8.675		8.675						99,75		99,75	99,39
	UBND xã Biện Thượng(1136427)	70.570		69.753	817		817	53.134		52.322	812		812			75,29		75,01	82,41
	Văn phòng HĐND và UBND xã Biện Thượng(1154155)	47.275		46.577	698		698	44.608		44.033	575		575			94,36		94,54	
	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Biện Thượng(1159373)	6.750		6.750				6.717		6.717						99,51		99,51	
	Trung tâm cung ứng dịch vụ công UBND xã Biện Thượng(1165582)	811		811				324		324						40,02		40,02	100,00
	Các công trình xây dựng bằng nguồn ngân sách xã Vĩnh Hùng.(7200420)	7.553	5.553		2.000	2.000		7.324	5.324		2.000	2.000				96,97	95,88		100,00
	Các công trình xây dựng bằng nguồn ngân sách xã Vĩnh Thịnh.(7200430)	10.136	8.636		1.500	1.500		10.128	8.628		1.500	1.500				99,93	99,92		100,00
	Các công trình xây dựng bằng nguồn ngân sách xã Vĩnh An.(7200433)	3.912	3.154		758	758		3.614	2.856		758	758				92,38	90,55		
	Quy hoạch tổng thể bảo tồn,tôn tạo và phát huy giá trị DLTC quốc gia núi Kim Sơn,xã Vĩnh An,huyện Vĩnh Lộc gắn với PTDL(7780982)	500	500					500	500							100,00	100,00		100,00
	Các dự án đầu tư bằng nguồn ngân sách xã,xã Minh Tân(7802756)	15.268	15.068		200	200		14.468	14.268		200	200				94,76	94,69		

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025						Quyết toán 2025						So sánh					
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX				Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX						
A	B	1	2	3	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Hạ tầng KT khu dân cư xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc(7906150)	2.043	2.043					1.587	1.587							77,69	77,69		
	Nâng cấp sửa chữa hệ thống thu gom xử lý nước thải và tuyến đường QL.VH cụm làng nghề chế tác đá Làng Mai, xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc(7914768)	826	826					826	826							100,00	100,00		
	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi xã Vĩnh Hùng, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc (Giai đoạn 1)(7956992)	2.048	2.048					1.991	1.991							97,24	97,24		
	Nâng cấp trạm bơm Hòa Long xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc(7957778)	500	500					500	500							100,00	100,00		
	Sửa chữa, nâng cấp hồ Hón Dừa xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc(7957890)	3.414	3.414					3.414	3.414							100,00	100,00		
	Bỏ lát đá vỉa hè hai bên đường QL.217 đoạn qua xã Minh Tân và xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc(7985727)	4.000	4.000					3.800	3.800							95,00	95,00		
	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Tổng Duy Tân, huyện Vĩnh Lộc(7995591)															#DIV/0!	#DIV/0!		
	Đường giao thông từ Quốc lộ 217 đi di tích lịch sử Chùa Đa Bút - Quán thể dục khu tượng đá cổ Đa Bút xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc(8055536)	3.577	3.577					3.577	3.577							100,00	100,00		
	Kiên cố kênh tưới Đa Bút xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc(8082182)	4.050	4.050					4.050	4.050							100,00	100,00		
	Trường Tiểu học Vĩnh Hùng, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc. (8092119)	2.097	2.097					1.957	1.957							93,32	93,32		
	Xây dựng cầu Xuôi, thôn Sóc Sơn 2, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc(8124347)	980	980					920	920							93,88	93,88		
	Xử lý khẩn cấp công Nô Thôn tại K26+711 tuyến đê tả sông Mã, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa(8133021)	18.008	18.008					16.262	16.262							90,30	90,30		

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025						Quyết toán 2025								So sánh			
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX				Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX						
A	B	1	2	3	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Quốc lộ 217, đoạn qua xã Minh Tân và xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc. (8136168)	3.550	3.550					3.066	3.066							86,36	86,36		
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ xã Vĩnh Hùng đi xã Vĩnh Hoà, huyện Vĩnh Lộc (8136170)	10.600	10.600					10.600	10.600							100,00	100,00		
	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Đan Quế, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc. Hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 12 phòng và các hạng mục phụ trợ (8151832)	5.000	5.000					627	627							12,55	12,55		
	Hạ tầng kỹ thuật Điện dân cư Thôn 1, Thôn 4 xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc. (8152664)	3.866	3.866					361	361							9,34	9,34		
	Xây dựng Trường Trung học cơ sở Vĩnh An, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc. Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và các công trình phụ trợ. (8155560)	7.000	7.000					589	589							8,41	8,41		
	San lấp và chỉnh trang sân Trường tiểu học Vĩnh Hùng, xã Biện Thượng (8160996)	800	800					800	800							100,00	100,00		
	Cải tạo, sửa chữa hội trường UBND xã và trung tâm phục vụ hành chính công xã Biện Thượng (8162046)	800	800					800	800							100,00	100,00		
	Hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường vào di tích lịch sử văn hóa Đa Bút, xã Biện Thượng (8167034)	2.000	2.000					1.870	1.870							93,52	93,52		
	Hạ tầng kỹ thuật đất ở xem cư thôn 7 (Đông Miên-Bờ Cáo), xã Vĩnh An (8173512)	1.800	1.800					1.273	1.273							70,74	70,74		
	Trường Tiểu học Vĩnh Hùng, xã Biện Thượng. Hạng mục: Tường rào, nhà bảo vệ, khuôn viên và các hạng mục phụ trợ (8173513)	2.000	2.000					1.793	1.793							89,66	89,66		

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025						Quyết toán 2025						So sánh					
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX				Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX						
A	B	1	2	3	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Mương thoát nước via hệ khu dân cư làng Đông xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa)(8175734)	300	300					300	300							100,00	100,00		
	Đường giao thông từ QL217 đi công sở xã Minh Tân - Khu dân cư mới tập trung Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc(8176072)	422	422					419	419							99,35	99,35		
	Trường Tiểu học xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Nhà đa năng(8176073)	500	500					366	366							73,10	73,10		
	Cải tạo khu nhà chức năng 02 tầng Trường THCS xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc(8176076)	670	670					670	670							100,00	100,00		
	Xây dựng Trường mầm non Vĩnh Minh, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa(8176552)	12.200	12.200					505	505							4,14	4,14		
	Quy hoạch chi tiết rút gọn Trường mầm non, Trường tiểu học, Trường THCS Nguyễn Đan Quế xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc(8176553)	300	300					287	287							95,83	95,83		
	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Đan Quế, xã Biện Thượng. Hạng mục: Sơn ngoài nhà lớp học 3 tầng(8176930)	280	280					259	259							92,46	92,46		
II	Dự phòng ngân sách																		
III	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới																		
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên							178							178				
V	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau							70.619						70.619					

UBND XÃ BIỆN THƯỢNG

Biểu số 102/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Biện Thượng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Chia ra						Quyết toán năm 2025	Trong đó		KP giảm, nộp trả	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				
			Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm										
A	B	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng số	5.976	2.258		2.258	3.718		3.718	5.048	2.258	2.790				928		928	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	198				198		198	75		75				123		123	
1.1	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách trung ương	47				47		47	47		47							
1.2	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách trung ương	151				151		151	28		28				123		123	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	5.778	2.258		2.258	3.520		3.520	4.973	2.258	2.715				805		805	
2.2	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách trung ương	2.258	2.258		2.258				2.258	2.258								
2.3	Nâng cao chất lượng môi trường xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam nguồn vốn ngân sách trung ương (10497)	2.000				2.000		2.000	2.000		2.000							
2.4	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới truyền thông về xây dựng nông thôn	20				20		20	15		15				5		5	

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025	Chia ra						Quyết toán năm 2025	Trong đó		KP giảm, nộp trả	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư			Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp				
			Tổng vốn đầu tư	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm	Tổng vốn sự nghiệp	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm										
A	B	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	mới thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới (10502)																	
2.5	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20492)	1.500				1.500		1.500	700		700				800		800	